TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH HƯNG** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2019/HNGĐ-ST
Ngày 08-3-2019
V/v: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH HƯNG, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thiệu.

***- Các Hội thẩm nhân dân*:**

+ Ông Hồ Thái Bình.

+ Ông Lâm Hồng Hải

- Thư ký phiên toà: Ông Lê Trọng Tâm - Thư ký Toà án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Hưng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 08/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2019 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Triệu Thị Ngọc Gi, sinh năm 1995.

Nghề nghiệp: Buôn bán.

Nơi cư trú: Ấp C, xã T, huyện V, tỉnh L.

-*Bị đơn:* Ông Trần Văn H, sinh năm 1990.

Nghề nghiệp: Làm ruộng.

Nơi cư trú: Ấp Đ, xã T, huyện V, tỉnh L.

Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Gi trình bày:

Bà Gi và ông H tìm hiểu thời gian gần một năm thì tiến tới hôn nhân. Bà và ông H tổ chức đám cưới vào ngày 24, 25 tháng 4 năm 2011 âm lịch. Đến

ngày 20- 3- 2013 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã xã T, huyện V, tỉnh L theo giấy chứng nhận kết hôn số 14/2013 quyển số 01/2013. Sau khi kết hôn hai vợ chồng về sống chung cùng cha mẹ chồng ở ấp Ấp Đ, xã T, huyện V, tỉnh L. Hai vợ chồng phụ cha mẹ làm ruộng và cha mẹ có cho mượn đất trồng dưa. Trong quá trình chung sống thì hai vợ chồng sống rất hạnh phúc, mặc dù đôi khi có xảy ra tranh cãi nhỏ. Đến cuối năm 2017 thì hai vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông H ghen khi biết bà Gi nhắn tin điện thoại với người khác và nói với cha mẹ chồng là bà Gi có quan hệ bên ngoài, nên mọi người trong gia đình không còn tin tưởng bà Gi nữa, nhưng thực tế bà rất chung thủy với chồng. Chính vì vậy làm cho bà Gi bị tổn thương và tình cảm của bà Gi đối với ông H không còn như trước, nên bà Gi đã về cha mẹ ruột ở từ ngày 12- 10- 2018 âm lịch cho đến nay. Sau khi Tòa án hòa giải đến nay thì tình cảm vợ chồng vẫn không được tiến triển tốt, bà Gi vẫn sống bên cha mẹ ruột. Bà Gi có về nhà chồng thăm con 5-6 lần, hai vợ chồng có gặp mặt nhưng ít nói chuyện, nên tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được. Hiện tại bà Gi nhận thấy không thể tiếp tục chung sống với ông H được nữa, vì không còn còn tình cảm với nhau.

Trong quá trình chung sống hai vợ chồng sinh được 02 con chung tên Trần Triệu Hoàng V (giới tính: nam) sinh ngày 05- 3- 2012 và Trần Triệu Hoàng Y (giới tính: nữ), sinh ngày 14- 9- 2015. Hiện nay cháu Y đang sống cùng bà Gi.

Về tài sản chung và nợ chung: Hai vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trước phiên tòa hôm nay bà Triệu Thị Ngọc Gi yêu cầu được ly hôn với ông Trần Văn H. Về con chung: Yêu cầu được nuôi con chung Trần Triệu Hoàng Y, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Còn con chung Trần Triệu Hoàng V giao cho ông Hứa nuôi dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung: Hai vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Trần Văn H thống nhất với phần trình bày của bà Gi về điều kiện kết hôn, về nguyên nhân mâu thuẫn, về con chung và tài sản chung, nợ chung. Nhưng ông H trình bày thêm: Nguyên nhân ông H ghen khi biết bà Gi nhắn tin qua điện thoại với người khác. Sau khi Tòa án hòa giải gần 01 tháng nay thì ông H đã cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng, ông H điện thoại năn nỉ bà Gi nhiều lần và có đưa con đến thăm vợ. Hai vợ chồng nói chuyện với nhau bình thường và ông H có nói bà Gi về sống chung để cùng nhau nuôi dạy con cái, nhưng bà Gi không đồng ý. Hiện tại ông H vẫn còn thương bà Gi.

Trước phiên tòa hôm nay ông H đồng ý ly hôn với bà Gi. Ông yêu cầu được nuôi cả hai con chung, không yêu cầu bà Gi cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Hai vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

Vụ kiện đã được Tòa án hòa giải nhiều lần nhưng không thành.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Hưng phát biểu ý kiến về các nội dung sau:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng và đầy đủ trong quá trình giải quyết vụ án. Thẩm phán đã tiến hành việc thu thập chứng cứ đúng quy định tại Điều 95 BLTTDS.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng theo quy định của BLTTDS về việc xét xử Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại Điều 70, 71 BLTTDS.

2. Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về thẩm quyền: Do bà Gi và ông H đều có thường trú tại huyện Vĩnh hưng, nên Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

- Về tình cảm: Bà Triệu Thị Ngọc Gi và ông Trần Văn H xác lập quan hệ vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh L ngày 20- 3- 2013, nên đây là hôn nhân hợp pháp sẽ được giải quyết theo luật Hôn nhân và gia đình. Bà Gi yêu cầu được ly hôn ông H vì cho rằng hai vợ chồng thương xuyên mâu thuẫn, bất đồng quan điểm. Bà Gi và ông H đã sống ly thân từ tháng 10.2018 đến nay. Hiện nay bà Gi thấy không thể tiếp tục chung sống với ông H, vì cuộc sống không còn tình thương, hôn nhân không có mục đích, nên quyết định chia tay chấm dứt quan hệ vợ chồng. Đồng thời bà Gi yêu cầu được nuôi con chung tên Trần Triệu Hoàng Y (nữ) sinh ngày 14- 9- 2015, giao con chung Trần Triệu Hoàng V (nam) sinh ngày 05-3-2012 cho ông H nuôi dạy, chăm sóc, bà Gi không yêu cầu ông H cập dưỡng nuôi con.

Quá trình thụ lý giải quyết vụ án ông H không đồng ý ly hôn vì cho rằng còn thương vợ, con, muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng để cùng nhau nuôi dạy con cái. Nhưng tại phiên tòa ông H đồng ý ly hôn với bà Gi. Đây là tự nguyện thỏa thuận không trái đạo đức xã hội, điều cấm của pháp luật, nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận tự thỏa thuận thuận giữa nguyên đơn và bị đơn về việc thuận tình ly hôn.

Về con chung: Cháu Trần Triệu Hoàng V, sinh ngày 05-3- 2012, tại biên bản ghi lời khai ngày 05.3.2019 cháu V có nguyện vọng sống chung với ông H, nên căn cứ theo Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình giao cháu Vcho ông H nuôi dưỡng là phù hợp. Đối với cháu Trần Triệu Hoàng Y, sinh ngày 14- 9-2015 còn

nhỏ và hiện nay bà Gi đang nuôi dưỡng, bà Gi có thu nhập đảm bảo cho việc nuôi dạy và chăm sóc cháu Y, nên yêu cầu của Bà Gi là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Gi.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không đề cập.

Từ những căn cứ nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại các Điều 28, 35, 39 và 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81 Luật hôn nhân và gia đình xem xét quyết định: Về tình cảm: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Gi với ông H. Về con cái: Giao con chung Trần Triệu Hoàng V cho ông H nuôi dưỡng và giao con chung Trần Triệu Hoàng Y cho bà Gi nuôi dưỡng. Hai bên không ai yêu cầu cấp dưỡng nên không đề cập. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết, nên không đề cập đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Căn cứ đơn xin ly hôn của nguyên đơn, Tòa án xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn ông Trần Văn H có nơi cư trú tại ấp Ấp Đ, xã T, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

[2.1] Bà Triệu Thị Ngọc Gi và ông Trần Văn H xác lập quan hệ vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh L theo giấy chứng nhận kết hôn số 14/2013 quyển số 01/2013 ngày 20- 3- 2013, nên đây là hôn nhân hợp pháp.

[2.2] Về mâu thuẫn vợ chồng: Bà Gi cho rằng trong quá trình chung sống, hai vợ chồng sống hạnh phúc từ năm 2011 đến cuối năm 2017 mới nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông H đã ghen khi biết bà Gi nhắn tin qua điện thoại, từ đó hai vợ chồng thường cự cãi vì không còn tin tưởng lẫn nhau và bà Gi đã bỏ về cha mẹ ruột ở từ tháng 10- 2018 âm lịch cho đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án bà Gi kiên quyết ly hôn, còn ông H thì xin đoàn tụ vì còn thương vợ, con. Nhưng tại phiên tòa hôm nay bà Gi và ông H đã thỏa thuận thuận tình ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy bà Gi và ông H tự nguyện thuận tình ly hôn, phù hợp với quy định của pháp luật, nên chấp nhận là phù hợp với quy định tại các điều 51 và 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về nuôi con chung: Bà Gi yêu cầu được nuôi con chung Trần Triệu Hoàng Y, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con và đồng ý giao cháu Trần Triệu Hoàng V cho ông H nuôi dưỡng. Còn ông H xin được nuôi dưỡng cả hai con chung không yêu cầu bà Gi cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử nhận thấy hiện tại ông H và bà Gi đều có thu nhập đảm bảo để nuôi dạy, chăm sóc con chung. Cháu Vcó nguyện vọng được ở với ông H và bà Gi cũng đồng ý giao cho

ông H nuôi, do đó giao con chung Trần Triệu Hoàng Vcho ông H nuôi dạy, chăm sóc. Còn con chung Trần Triệu Hoàng Y còn nhỏ cần sự chăm sóc của người mẹ và hiện bà Gi đang nuôi cháu Y, nên giao cho bà Gi nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Do ông H và bà Gi không ai yêu cầu việc cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Gi và ông H không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Do đó quan điểm của vị Đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận toàn bộ.

[5] Về án phí: Bà Gi phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ các điều 51, 55, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.Về hôn nhân: Bà Triệu Thị Ngọc Gi và ông Trần Văn H thuận tình ly hôn.

2.Về nuôi con chung: Giao con chung tên Trần Triệu Hoàng Y (nữ), sinh ngày 14- 9- 2015 cho bà Gi trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc; Giao con chung tên Trần Triệu Hoàng V (nam), sinh ngày 05- 3-2012 cho ông Trần Văn H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Bà Gi và ông H đều không yêu cầu việc cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, bên không trực tiếp nuôi con vẫn có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung theo yêu cầu của một hoặc các bên Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

2.Về án phí: Bà Triệu Thị Ngọc Gi phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước. Chuyển 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí bà Gi đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Hưng theo biên lai số 0004298 ngày 18/01/2019 sang tiền án phí. Bà Gi không phải nộp tiếp tiền án phí.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND,VKSND tỉnh Long An;
- VKSND, Chi cục THADS H.Vĩnh Hưng;
- Các đương sự;
- UBND xã T;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Thiệu